TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ M** TỈNH AN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST

Ngày: 19/4/2024

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:16/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Nguyễn Thị Quốc T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp M An, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp Nhơn An, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.

Bà Nguyễn Tuyết T (Thấm), sinh năm 1966; địa chỉ: ấp Nhơn An, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp M An, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa N đơn bà Nguyễn Thị Quốc T trình bày: Do chổ quen biết làm ăn qua lại với nhau nên vợ chồng bà T (Thấm), ông N có đến Cửa hàng mua bán vật tư nông Nghiệp của bà T để mua phân bón, thuốc trừ sâu để làm lúa nhiều năm với phương thức gối đầu, bà O là người trực tiếp bán hàng, sau đó hai bên có xác nhận công nợ vào ngày 12.02.2019 với số tiền 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng), khi làm giấy xác nhận nợ xong thì bà T (Thấm), ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Cửa hàng bà T, bà T có đến nhà bà bà T (Thấm), ông N đòi nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay cửa hàng bà T yêu cầu bà bà T (Thấm), ông N phải có nghĩa vụ trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quốc T số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 12.02.2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 02 năm 2024 bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quốc T để mua vật tư nông nghiệp về trồng lúa qua nhiều năm với hình thức gối đầu, sau đó đến ngày 12.02.2019 thì bà với ông N có làm biên nhận nợ với bà O với số tiền 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) nhưng sau đó bà có trả dần và hiện nay còn nợ lại là 19.860.000 đồng (mười chín triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quốc T là của con bà, bà chỉ là người trực tiếp đứng bán hàng cho con bà, bà có làm biên nhận nợ với bà T (Thấm), ông N số tiền còn thiếu lại là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa bà cũng thống nhất ý kiến trình bày của bà T, bà không có ý kiến gì bổ sung.

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do N đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận đăng ký kinh dO (bản sao).

Tại phiên tòa,

- N đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim O không có ý kiến gì bổ sung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

N đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Năm 2018, ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của bà Nguyễn Thị Quốc T do bà Nguyễn Thị Kim O là người trực tiếp bán và hai bên có xác nhận công nợ vào ngày 12/02/2019 số tiền 23.900.000 đồng (biên nhận ký tên là Nguyễn Thị Kim O (Bên A) Nguyễn Trọng N và Thấm (Bên B). Sau đó, ông N và bà T (Thấm) vẫn chưa thực hiện trả tiền mua vật tư nông nghiệp cho bà T. Bà T yêu cầu ông N và bà T (Thấm) trả 23.900.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật, từ ngày 12/02/2019 đến ngày xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu ông N và bà T (Thấm) trả 23.900.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử.

Xét thấy, hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà T với ông N và bà T (Thấm) được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán giao hàng cho ông N và bà T (Thấm) nhưng phía ông N và bà T (Thấm) vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua đối với số nợ 23.900.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T (Thấm) thừa nhận có nợ bà T là 19.860.000 đồng (mười chín triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng), tuy nhiên phía bà T (Thấm) không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và tại biên nhận nợ ngày 12/2/2019 thể hiện ông N và bà T (Thấm) có nợ

23.900.000 đồng tiền vật tư nông nghiệp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T phù hợp nên việc bà T khởi kiện là có căn phù hợp các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự, đề xuất:

- Công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa bà Nguyễn Thị Quốc T với ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Tuyết T (Thấm).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quốc T .

- Buộc ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 23.900.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Quốc T khởi kiện yêu cầu ông N, bà T (Thấm) có nơi cư trú ấp Nhơn An, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở đại diện bị đơn ông N, bà T (Thấm) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T (Thấm) theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời trình bày của N đơn bà T tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định giữa bà T với ông N, bà T (Thấm) có thỏa thuận với nhau về việc mua bán vật tư nông nghiệp để trồng lúa nhiều lần với phương thức gối đầu, sau đó hai bên có thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vật tư nông nghiệp với nhau nhưng đến ngày 12.02.2019 ông N, bà T có xác nhận công nợ vào với số tiền 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) hứa sẽ trả vào cuối mùa vụ lúa, nhưng vẫn không thực hiện nên bà T yêu cầu ông N, bà T có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu lại cửa hàng vật tư nông nghiệp là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ được xác lập giữa ông N, bà T với bà O và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ vụ án.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của N đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.*

Bà T khởi kiện yêu cầu ông N, bà T (Thấm) có nghĩa vụ trả cho bà số tiền mua vật tư nông nghiệp là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng)

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 02 năm 2024 bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) thừa nhận bà và ông N có làm biên nhận nợ với bà O với số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) nhưng sau đó có trả dần và hiện nay còn nợ lại là 19.860.000 đồng (mười chín triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tòa án đã tiến hành thủ tục đối chất giữa vợ chồng bà T (Thấm), ông N với bà O, bà T nhưng ông N, bà T (Thấm) không đến tham dự các phiên đối chất giữa các bên, tuy nhiên phía ông N, bà T (Thấm) không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông N, bà T (Thấm) cùng xác lập hợp đồng mua bán với nhau, nhưng ông N, bà T (Thấm) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Cửa hàng bà T khi bà T có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà T. Trong quá trình hòa giải, ông N, bà T (Thấm) không gởi ý kiến hay văn bản gì để Hội đồng xem xét.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà T và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án cũng có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà T. Nghĩ nên buộc ông N, bà T (Thấm) có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền mua bán vật tư nông nghiệp theo giấy xác nhận công nợ ngày 12.02.2019 là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015.

[5] *Về lãi suất:* Tại phiên tòa bà T rút lại thời gian tính lãi suất đối với số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ lại là 23.900.000 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng), bà chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/12/2023 đến ngày 19/4/2024, do đó số tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vốn là 23.900.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm ngàn đồng). Ngày 15/12/2023 đến ngày 19/4/2024 là 125 ngày x lãi suất 10%/năm = 837.000

đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 24.737.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quốc T.

Buộc ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền mua bán vật tư nông nghiệp tổng cộng vốn và lãi 24.737.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Tuyết T (Thấm) phải chịu 1.236.850 đồng (một triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền tạm ứng án phí là 597.000 đồng (năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng) bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 00149196 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An G cấp ngày 11 tháng 01 năm 2024.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An G;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn